

Số: /BC-VPUBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện chỉ tiêu của 05 nội dung liên quan đến dịch vụ công trực tuyến trong tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 08 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công tỉnh Bình Định năm 2023; Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu 05 nội dung liên quan đến dịch vụ công trực tuyến trong 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

Trên cơ sở trích xuất dữ liệu từ “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính” (Hệ thống VNPT – iGate), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, công khai kết quả thực hiện một số chỉ tiêu liên quan dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị, địa phương từ ngày 01/07/2023 đến ngày 24/7/2023, cụ thể như sau:

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

##### 1. Hồ sơ trực tuyến:

- Chỉ tiêu do Trung ương quy định 50%.
- Tỷ lệ bình quân chung của cả tỉnh đạt **44%**. Trong đó:
  - + Cấp tỉnh đạt 57%;
  - + Cấp huyện đạt **13%**;
  - + Cấp xã đạt 56,7%.

##### 2. Thanh toán trực tuyến:

- Chỉ tiêu do tỉnh quy định 35%.
- Tỷ lệ bình quân của cả tỉnh đạt 60,8%. Trong đó:
  - + Cấp tỉnh đạt 64,5%;
  - + Cấp huyện đạt 41%;

+ Cấp xã đạt 60,8%.

### **3. Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính:**

- Chỉ tiêu do tỉnh quy định: cấp tỉnh 70%, cấp huyện 60% và cấp xã 55%;

- Tỷ lệ bình quân của cả tỉnh đạt 65%. Trong đó:

+ Cấp tỉnh đạt 78,8%;

+ Cấp huyện đạt 61,3%;

+ Cấp xã đạt 61,9%.

### **4. Cấp kết quả điện tử:**

- Chỉ tiêu do Trung ương quy định 100%:

- Tỷ lệ bình quân của cả tỉnh đạt **52%**. Trong đó:

+ Cấp tỉnh đạt **34,2%**;

+ Cấp huyện đạt **41,8%**;

+ Cấp xã đạt **64,2%**.

### **5. Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính:**

- Chỉ tiêu do Trung ương quy định 100%:

- Tỷ lệ bình quân của cả tỉnh đạt 85%. Trong đó:

+ Cấp tỉnh đạt **64,9%**;

+ Cấp huyện đạt **94,4%**;

+ Cấp xã đạt **88,2%**.

*(Chi tiết kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 kèm theo Báo cáo này)*

## **II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1.** Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đạt chỉ tiêu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong tháng 7 năm 2023, nhất là các đơn vị đạt tỷ lệ thấp chủ động kiểm tra, rà soát, đôn đốc việc thực hiện đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu được giao trong thời gian tới để tránh làm ảnh hưởng đến kết quả chung của tỉnh trong năm 2023.

**2.** Kính đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có giải pháp tổ chức thực hiện hiệu quả 05 nội dung liên quan đến dịch vụ công trực tuyến đảm bảo kết quả tháng sau phải cao hơn tháng trước để góp phần nâng cao kết quả chung của tỉnh trong năm 2023.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo việc thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Tổ giúp việc Đề án 06 tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- Tổ giúp việc CCHC của VP;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT<sup>(T)</sup>.

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Lê Ngọc An**

**Phụ lục 1**  
**CẤP TỈNH: 05 chỉ tiêu liên quan đến dịch vụ công trực tuyến**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày tháng năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)*

Cơ quan, đơn vị	Tổng số HS TTHC tiếp nhận trong tháng 7/2023	Hồ sơ trực tuyến trong tháng 7/2023			Thanh toán trực tuyến trong tháng 7/2023				Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tháng 7/2023			Cấp kết quả điện tử trong tháng 7/2023			Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính trong tháng 7/2023		
		Chỉ tiêu được giao	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả thực hiện	Tổng số hồ sơ có thanh toán phí, lệ phí	Chỉ tiêu được giao	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Số lượng hồ sơ số hóa	Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Số lượng hồ sơ cấp kết quả điện tử	Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Xác thực thông tin định danh công dân	Kết quả thực hiện
BQL KKT tỉnh	29	60%	10	34,4%	19	51%	11	<b>57,8%</b>	85%	29	<b>100%</b>	100%	24	77,4%	100%	28	96,6%
Sở Công Thương	1663	99%	1646	<b>98,9%</b>	<b>20</b>	45%	4	20%	100%	1653	<b>99,4%</b>	100%	18	94,7%	100%	97	<b>76,4%</b>
Sở Du lịch	62	96%	62	<b>100%</b>	<b>24</b>	77%	23	<b>95,8%</b>	91%	57	91,9%	100%	54	84,4%	100%	62	<b>100%</b>
Sở GD và ĐT	111	96%	111	<b>100%</b>	-	-	-	-	92%	111	<b>100%</b>	100%	65	<b>43,9%</b>	100%	108	97,3%
Sở GTVT	1025	60%	26	2,54%	1001	45%	717	<b>71,6%</b>	80%	380	37,1%	100%	11	<b>0,6%</b>	100%	957	94,5%
Sở KH và ĐT	450	60%	267	59,3%	174	45%	146	<b>83,9%</b>	80%	169	37,6%	100%	105	<b>31,1%</b>	100%	182	<b>41,6%</b>
Sở KH và CN	7	90%	7	<b>100%</b>	<b>6</b>	45%	6	<b>100%</b>	90%	7	<b>100%</b>	100%	1	<b>16,7%</b>	100%	7	<b>100%</b>
Sở LĐ-TB&XH	45	60%	12	26,6%	8	45%	6	<b>75%</b>	80%	43	95,6%	100%	73	<b>100%</b>	100%	42	95,5%
Sở Ngoại vụ	5	100%	5	<b>100%</b>	-	-	-	-	100%	5	<b>100%</b>	100%	3	<b>100%</b>	100%	0	<b>0</b>
Sở Nội vụ	22	93%	22	<b>100%</b>	-	-	-	-	92%	22	<b>100%</b>	100%	24	96%	100%	22	<b>100%</b>
Sở NN và PTNT	429	60%	233	54,3%	271	45%	146	53,8%	80%	427	<b>99,5%</b>	100%	343	77,1%	100%	288	<b>67,3%</b>
Sở Tài chính	6	100%	6	<b>100%</b>	-	-	-	-	96%	6	<b>100%</b>	100%	8	88,9%	100%	6	<b>100%</b>
Sở TN và MT	1038	60%	63	6%	1017	45%	505	<b>49,6%</b>	82%	996	<b>96%</b>	100%	771	69,3%	100%	1023	<b>99%</b>
Sở TT và TT	13	100%	13	<b>100%</b>	<b>6</b>	100%	6	100%	98%	13	<b>100%</b>	100%	8	80%	100%	12	92,3%
Sở Tư pháp	713	100%	710	<b>99,5%</b>	<b>717</b>	36%	590	82,2%	93%	442	62%	100%	316	51,8%	100%	704	<b>98,7%</b>
Sở VH và TT	28	100%	27	<b>96,4%</b>	<b>6</b>	36%	3	50%	99%	27	<b>96,4%</b>	100%	27	<b>90%</b>	100%	27	96,4%
Sở Xây dựng	168	60%	50	29,7%	152	45%	16	10,5%	85%	159	<b>94,6%</b>	100%	76	52,8%	100%	164	97,6%
Sở Y tế	141	60%	125	88,6%	126	63%	111	88,1%	96%	115	81,6%	100%	111	93,3%	100%	139	<b>98,6%</b>

## Phụ lục 2

**CẤP HUYỆN: 05 chỉ tiêu liên quan đến dịch vụ công trực tuyến***(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày tháng năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)*

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số HS TTHC tiếp nhận trong tháng 7/2023	Hồ sơ trực tuyến trong tháng 7/2023			Thanh toán trực tuyến trong tháng 7/2023				Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tháng 7/2023			Cấp kết quả điện tử trong tháng 7/2023			Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính trong tháng 7/2023		
			Chỉ tiêu được giao	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả thực hiện	Tổng số hồ sơ có thanh toán phí, lệ phí	Chỉ tiêu được giao	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Số lượng hồ sơ số hóa	Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Số lượng hồ sơ cấp kết quả điện tử	Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Xác thực thông tin định danh công dân	Kết quả thực hiện
1	UBND huyện An Lão	318	60%	23	7,2%	320	45%	22	6,8%	70%	24	7,5%	100%	271	74,5%	100%	310	<b>97,5%</b>
2	UBND huyện Hoài Ân	359	60%	74	20,6%	333	45%	45	13,5%	70%	56	15,6%	100%	122	32,6%	100%	337	93,9%
3	UBND huyện Phù Cát	985	60%	45	4,5%	949	58%	385	40,5%	70%	385	39,1%	100%	168	16%	100%	964	97,9%
4	UBND huyện Phù Mỹ	723	60%	311	43%	648	45%	328	<b>50,6%</b>	70%	296	40,9%	100%	22	2,8%	100%	430	59,5%
5	UBND huyện Tây Sơn	961	60%	97	10%	944	45%	245	25,9%	70%	862	<b>89,7%</b>	100%	25	2,6%	100%	959	<b>99,8%</b>
6	UBND huyện Tuy Phước	1242	60%	23	1,8%	1166	45%	274	23,5%	70%	21	1,7%	100%	26	2,1%	100%	1227	<b>98,8%</b>
7	UBND huyện Vân Canh	142	60%	14	9,8%	137	57%	38	27,7%	63%	131	<b>92,3%</b>	100%	76	52,8%	100%	139	97,9%
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	138	60%	29	21%	131	45%	5	3,8%	70%	28	20,3%	100%	84	42,2%	100%	131	94,9%
9	UBND thị xã An Nhơn	1000	60%	79	7,9%	970	76%	467	48,1%	70%	935	<b>93,5%</b>	100%	878	88,8%	100%	952	95,2%
10	UBND thị xã Hoài Nhơn	1371	60%	256	18,6%	1310	67%	690	52,6%	70%	1367	<b>99,7%</b>	100%	1085	86,7%	100%	1371	<b>100%</b>
11	UBND TP. Quy Nhơn	1642	60%	227	13,8%	1574	54%	1013	<b>64,3%</b>	70%	1343	<b>81,8%</b>	100%	958	58,5%	100%	1572	95,7%

## Phụ lục 3

**CẤP XÃ: 05 chỉ tiêu liên quan đến dịch vụ công trực tuyến***(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày tháng năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)*

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số HS TTHC tiếp nhận trong tháng 7/2023	Hồ sơ trực tuyến trong tháng 7/2023			Thanh toán trực tuyến trong tháng 7/2023				Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tháng 7/2023			Cấp kết quả điện tử trong tháng 7/2023			Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính trong tháng 7/2023		
			Chỉ tiêu được giao	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả thực hiện	Tổng số hồ sơ có thanh toán phí, lệ phí	Chỉ tiêu được giao	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Số lượng hồ sơ số hóa	Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Số lượng hồ sơ cấp kết quả điện tử	Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu được giao	Xác thực thông tin định danh công dân	Kết quả thực hiện
1	UBND huyện An Lão	903	60%	170	18,8%	859	45%	107	12,46%	65%	158	17,4%	100%	270	<b>29,9</b>	100%	852	<b>94,3%</b>
2	UBND huyện Hoài Ân	691	60%	277	40%	553	45%	233	42,13%	65%	272	39,3%	100%	84	<b>12,1</b>	100%	602	87,1%
3	UBND huyện Phù Cát	2457	60%	950	38,6%	2152	57%	1648	76,58%	65%	855	34,7%	100%	2199	93,1	100%	2161	87,9%
4	UBND huyện Phù Mỹ	1871	60%	1086	58%	1299	45%	766	58,97%	65%	1000	53,4%	100%	734	<b>39,1</b>	100%	1422	<b>76%</b>
5	UBND huyện Tây Sơn	1510	60%	672	44,5%	1362	45%	1152	84,58%	65%	705	46,6%	100%	559	37,5	100%	1234	<b>81,7%</b>
6	UBND huyện Tuy Phước	1804	53%	1037	<b>57,4%</b>	1370	87%	1248	91,09%	65%	1101	<b>61%</b>	100%	878	50	100%	1696	<b>94%</b>
7	UBND huyện Vân Canh	454	60%	101	22,2%	437	86%	401	91,76%	65%	405	<b>89,2%</b>	100%	293	57,7	100%	454	<b>100%</b>
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	469	60%	73	15,5%	433	45%	170	39,26%	65%	73	15,5%	100%	131	<b>27,9</b>	100%	401	85,5%
9	UBND thị xã An Nhơn	1275	73%	1123	<b>88%</b>	765	83%	664	86,80%	71%	1186	<b>93%</b>	100%	1110	93,1	100%	1156	91,1%
10	UBND thị xã Hoài Nhơn	1539	63%	1459	<b>94,8%</b>	1134	66%	1017	89,68%	65%	1522	<b>98,8%</b>	100%	1478	93,8	100%	1509	<b>98%</b>
11	UBND TP. Quy Nhơn	2099	60%	1607	<b>76,5%</b>	1580	92%	1384	87,59%	65%	2053	<b>97,8%</b>	100%	1952	96,4	100%	1819	87%